



Hướng dẫn của IFLA VỀ THƯ VIỆN TRƯỜNG HỌC

(Tiếp theo)

Ủy ban thường trực Tiểu ban Thư viện trường học IFLA

Barbara Schultz-Jones và Dianne Oberg biên soạn,

với sự đóng góp của Ban điều hành Hiệp hội Cán bộ Thư viện trường học Quốc tế

Nguyễn Thị Ngọc Mai biên dịch

Chương 6

ĐÁNH GIÁ THƯ VIỆN TRƯỜNG HỌC VÀ QUAN HỆ CỘNG CHỒNG

“Thư viện trường học (TVTH) giữ vai trò trọng yếu trong mọi chiến lược dài hạn nhằm mục tiêu nâng cao kiến thức, giáo dục, cung cấp thông tin cũng như phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa.”
(Tuyên ngôn về TVTH)

6.1. Giới thiệu

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về ảnh hưởng tích cực lên thành tích học tập của người học từ các TVTH có nguồn lực dồi dào và đội ngũ những người làm công tác thư viện chuyên nghiệp. Ví dụ, xem LRS (2015) *Các nghiên cứu về tác động của TVTH* tại Hoa Kỳ (www.lrs.org/data-tools/school-libraries/impact-studies) và Williams, Wavell, C., và Morrison (2013) ở Vương quốc Anh www.scottishlibraries.org/storage/sectors/schools/SLIC_RGU_Impact_of_School_Libraries_2013.pdf). Tuy nhiên, những nghiên cứu này chưa được cộng đồng TVTH biết đến hoặc nhận thức đầy đủ, và các TVTH ở nhiều nơi trên thế giới vẫn tiếp tục phải đối diện với thực trạng bị cắt giảm biên chế. Việc cắt giảm đó thường dẫn đến những tổn thất

về nguồn nhân lực ở các TVTH. Thiếu cán bộ thư viện (CBTV) có chuyên môn, TVTH khó có thể giữ được vai trò tiềm năng là trở thành động lực cải tiến giáo dục và nâng cao thành tích học tập của người học.

Kết quả chủ yếu từ các nghiên cứu về tác động của TVTH trong một thập kỉ qua tiếp tục khẳng định chính các chương trình TVTH cùng với đội ngũ nhân lực thư viện có trình độ chuyên môn / có bằng cấp làm việc toàn thời gian chính là nhân tố tác động mạnh mẽ nhất lên thành tích học tập của người học. Kết quả nghiên cứu về tác động tích cực của TVTH lên học tập của người học cho thấy TVTH giúp thu hẹp sự chênh lệch về thành tích học tập thường thấy ở những người học có hoàn cảnh khó khăn, người dân tộc thiểu số, và / hoặc khuyết tật. Ngoài việc có CBTV có trình độ chuyên môn / có bằng cấp làm việc toàn thời gian, các nhân tố TVTH khác có liên quan tới thành tích học tập được cải thiện của người học bao gồm: sự cộng tác, giảng dạy, xây dựng chương trình, truy cập, công nghệ, các bộ sưu tập, ngân sách và phát triển chuyên môn. Do hiện nay các TVTH có nguồn lực dồi dào đang cho phép học sinh (HS) và giáo

viên (GV) truy cập tới các nguồn lực và dịch vụ trực tuyến vào bất kì thời điểm nào, các nghiên cứu trong tương lai sẽ cần tập trung đánh giá xem các năng lực số tác động như thế nào đến không gian, thời gian và việc sử dụng.

Đánh giá là việc làm không thể thiếu khi triển khai các chương trình và dịch vụ TVTH. Việc đánh giá có thể giúp ra quyết định hoặc giải quyết vấn đề (các mối quan tâm về trách nhiệm giải trình); đồng thời tác động đến suy nghĩ của mọi người về TVTH và gia tăng hỗ trợ thư viện (các mối quan tâm về thay đổi nhận thức). Để đảm bảo tính hiệu quả, hoạt động đánh giá TVTH không thể tách rời việc đánh giá kế hoạch giáo dục của nhà trường. Hoạt động đánh giá cũng là một phần trong quá trình lập kế hoạch và phải trở thành bộ phận không thể thiếu trong kế hoạch đảm bảo chất lượng của nhà trường.

6.2. Đánh giá TVTH và thực hành dựa trên chứng cứ

Các TVTH và cán bộ TVTH thường ít được đánh giá một cách thống nhất và có hệ thống, tuy nhiên việc đánh giá giúp đảm bảo các chương trình và dịch vụ thư viện phục vụ đặc lực cho mục tiêu của nhà trường. Việc đánh giá cho phép xác định mức độ mà theo đó các HS và GV thấy rõ lợi ích họ nhận được từ các chương trình và dịch vụ thư viện: Nó còn có thể hỗ trợ việc định hình các chương trình và dịch vụ cũng như nâng cao hiểu biết và trách nhiệm đối với các chương trình và dịch vụ đó trong nội bộ CBTV và người dùng thư viện.

Thực hành dựa trên chứng cứ tập trung vào các sưu tập dữ liệu và phân tích, phục vụ mục đích cải tiến thực tiễn. Các

đánh giá được triển khai với tư cách là một phần của thực hành dựa trên chứng cứ thường có phạm vi hẹp, do trường thực hiện, và kết quả thu được là những khuyến nghị cho hoạt động thực tiễn. Các dữ liệu được thu thập và phân tích phục vụ mục đích liên quan đến thực hành dựa trên chứng cứ, có thể lấy từ các nguồn khác nhau, phụ thuộc vào lĩnh vực hoạt động cần đánh giá, ví dụ: lưu thông trực tuyến và các biểu ghi hệ thống biên mục (OPAC) và các mẫu hướng dẫn, theo từng lớp học, theo khối lớp hoặc theo môn học (chứng cứ trong thực tiễn – dữ liệu phục vụ việc ra quyết định), hoặc các sản phẩm học tập của HS và các điều tra về HS, GV và / hoặc phụ huynh (chứng cứ của thực tiễn – dữ liệu hỗ trợ các tác động của thư viện).

6.3. Các phương pháp đánh giá TVTH

Đánh giá một TVTH bao gồm việc xem xét môi trường và bối cảnh của thư viện. Một đánh giá TVTH tập trung vào chất lượng chung của chương trình thường có phạm vi rộng, được thực hiện bởi các chuyên gia đánh giá ngoài, và kết quả thu được là việc xếp hạng chất lượng. Hầu hết các đánh giá TVTH đều bao gồm một nghiên cứu do CBTV tự thực hiện. Các phương pháp đánh giá TVTH khác do nhà trường triển khai, ngoài xem xét chất lượng chương trình, còn có thể bao gồm: nhận thức của các bên liên quan, nội dung chương trình và tác động của chương trình. Hướng tiếp cận liên tục đối với đánh giá TVTH là thực hành dựa trên chứng cứ.

6.3.1. Chất lượng chung của chương trình

Đánh giá TVTH tập trung vào chất lượng chung của chương trình thường là một dự án dài hạn, được hoàn thành

trong nhiều năm và bao gồm nhiều hoạt động khác nhau. Các đánh giá về chất lượng chương trình thường bắt đầu từ một khung hướng dẫn hoạt động như một quy trình kiểm định trường học hay một tài liệu tiêu chuẩn cơ sở hoặc tiêu chuẩn quốc gia. Một đánh giá chương trình tổng hợp cần được thực hiện với sự hỗ trợ tốt về hành chính và kết nối với các chuyên gia đánh giá ngoài, chẳng hạn một chuyên viên tư vấn học khu. Tuy nhiên, cũng có thể thu được kết quả nhờ triển khai đánh giá từng chương trình, được lên kế hoạch cẩn thận nhằm tiết kiệm nguồn lực. Ví dụ, một nghiên cứu tự thực hiện có thể cho thấy quy mô các hoạt động giảng dạy dựa vào thư viện trong một học kì hoặc một năm học để đánh giá được tỉ lệ HS và GV tham gia vào các hoạt động này. Việc so sánh với các tiêu chuẩn có thể giới hạn ở một khía cạnh của chương trình hoặc dịch vụ thư viện như cơ sở vật chất hay vốn tài liệu thư viện.

6.3.2. Nhận thức của các bên liên quan

Các nghiên cứu đưa ra nhiều ví dụ khái quát và truyền cảm hứng về hoạt động đánh giá nhận thức của các bên liên quan. Trong khi việc thực hiện một nghiên cứu chính thường vượt quá khả năng của hầu hết trường học hoặc học khu, vẫn còn các giải pháp thay thế đơn giản mà hiệu quả khác. Hai ví dụ điển hình là a) điều tra mức độ thỏa mãn nhu cầu của học khu và b) điều tra ở quy mô trường học hoặc các nhóm phản hồi.

Hầu hết các học khu hay cơ quan giáo dục đều có một số hình thức điều tra thỏa mãn nhu cầu hàng năm trên các đối tượng HS, GV và phụ huynh. Phương pháp tập hợp ý kiến của HS về thư viện sẽ có thể tranh thủ được sự giúp đỡ của

hiệu trưởng để tiến hành điều tra từng lớp học trong trường, bắt đầu từ khối lớp 1, hỏi HS những câu hỏi như “Điều gì làm cho thư viện trường chúng ta tốt?” và “Chúng ta nên làm thêm gì để thư viện tốt hơn nữa?” Dữ liệu thu được từ các điều tra này cần được phân tích và chia sẻ với GV và cán bộ nhân viên cũng như phụ huynh HS. Phương pháp phù hợp với các trường trung học cơ sở sẽ là tổ chức các buổi gặp gỡ với đại diện HS, mỗi lớp cử ra vài em, lấy ý kiến phản hồi về các dịch vụ và nguồn lực của thư viện trường. Trong một số phiên lấy ý kiến, HS có thể được đặt các câu hỏi nhằm xác định họ mong muốn gì ở thư viện trường và những vấn đề khác cần được khắc phục để thư viện trường trở thành nơi hỗ trợ đắc lực hơn cho người học. Hai phương pháp vừa nêu đều có thể áp dụng dễ dàng để đánh giá một phần cụ thể trong hàng loạt chương trình và dịch vụ thư viện.

6.3.3. Nội dung chương trình

Đánh giá TVTH tập trung vào nội dung chương trình có thể có quy mô rộng hoặc hẹp và có thể được tiến hành một lần hoặc liên tục. Nghiên cứu tự triển khai có thể được thiết kế nhằm phân tích kết quả học tập có được từ các hoạt động giảng dạy dựa vào thư viện trong một học kì hoặc một vài năm. Kết quả học tập có được từ các hoạt động giảng dạy dựa vào thư viện có thể so sánh với kết quả học tập trong một hoặc nhiều chương trình giảng dạy.

Một phương pháp khác là sử dụng các nhóm tập trung bao gồm các GV đứng lớp và hoặc các trưởng khối nhằm xác định những kết quả học tập nào có được từ các hoạt động giảng dạy dựa vào thư viện. Để thu được kết

quả tốt nhất (nghĩa là, các buổi thảo luận phong phú và thẳng thắn), không phải CBTV tiến hành tổ chức và điều phối các nhóm tập trung mà do một bên thứ ba, tức là, một người đánh giá ngoài, chẳng hạn như một CBTV từ một trường khác hoặc một chuyên viên tư vấn học tập của học khu.

6.3.4. Tác động của chương trình

Việc đánh giá tác động đối với một TVTH tập trung vào khái niệm “giá trị gia tăng” và có thể được thiết kế nhằm xác định các hoạt động truy vấn của thư viện trường đã đóng góp như thế nào vào hoạt động học tập của người học. Đây là lúc cần tìm hiểu HS xem họ đã học được những gì. Ví dụ, các dự án truy vấn cần đạt được mục tiêu là HS nâng cao hiểu biết về một chủ đề, biết cách thực hiện quy trình truy vấn, và hiểu rõ tầm quan trọng của việc học. Ví dụ, để tìm hiểu mức độ mà theo đó các dự án truy vấn tác động đến việc học của HS, các HS tiểu học từ lớp 1 – 6 trong dự án Library Power (Ober, 1999) đã được phỏng vấn vào thời điểm kết thúc dự án của mình và được hỏi các câu hỏi sau:

- Em có thể kể về dự án của mình không – em đã sử dụng sách và máy tính như thế nào? Những việc dễ thực hiện, những việc khó thực hiện?
- Em đã bắt đầu dự án như thế nào? Em đã làm những gì ở giai đoạn giữa dự án? Em đã kết thúc như thế nào? Em cảm thấy như thế nào ở từng giai đoạn?
- Em đã học được những gì; Điều gì làm em nhớ nhất? Em có chia sẻ dự án của mình ra ngoài trường không? Dự án của em giống với những gì mọi người làm bên ngoài trường như thế nào?

Những khía cạnh khác về hoạt động học tập của HS, có thể được khảo sát thông qua hình thức phỏng vấn, bảng phản hồi, nhật ký học tập, hoặc các nhóm truy vấn, bao gồm:

- Khả năng xác định nguồn, độ tin cậy, giá trị, và sự thích hợp của thông tin;
- Khả năng tạo ra các sản phẩm xác thực và được thông tin đầy đủ; hoặc
- Khả năng quản lý có trách nhiệm nhận dạng số của mình.

Việc phân tích các câu trả lời phỏng vấn của HS hoặc kết quả từ các bảng phản hồi là công việc đòi hỏi nhiều thời gian và công sức của CBTV và GV. Tuy nhiên, thông qua đó, CBTV và GV có thể thấy được HS đã tiến bộ như thế nào về kiến thức và hiểu biết nội dung chương trình giảng dạy cũng như các kỹ năng xử lý và sử dụng thông tin cần thiết trong học tập, công việc, v.v... Việc đưa HS vào các buổi thảo luận về quy trình học tập truy vấn cũng đồng thời giúp HS nhận thức và có khả năng quản lý và điều chỉnh các quá trình học tập của bản thân mình.

6.3.5. Thực hành dựa trên chứng cứ

Thực hành dựa trên chứng cứ là phương pháp toàn diện và tích hợp sử dụng dữ liệu để ra quyết định. Thực hành dựa trên chứng cứ trong TVTH kết hợp 3 loại dữ liệu: a) chứng cứ DÀNH CHO thực tiễn (sử dụng các kết quả từ nghiên cứu chính thống khái quát thực tiễn); b) chứng cứ TRONG thực tiễn (sử dụng các dữ liệu nội sinh nhằm cải biến thực tiễn); và c) chứng cứ VỀ thực tiễn (sử dụng các dữ liệu báo cáo về người dùng và được tập hợp về người dùng để minh chứng kết quả công việc của CBTV) (Todd, 2007). Cán bộ TVTH được tiếp

cận với chứng cứ DÀNH CHO thực tiễn thông qua hoạt động đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và từ các tóm tắt kết quả nghiên cứu về TVTH được công bố (ví dụ, Haycock, 1992; Kachel và những người khác, 2013). Cán bộ TVTH sử dụng chứng cứ hình thành TRONG hoạt động thực tiễn của mình, như các biểu ghi lưu thông và kế hoạch các hoạt động giảng dạy, nhằm đưa ra quyết định, ví dụ, về việc đặt mua các nguồn lực phục vụ hoạt động khuyến khích đọc và về các kế hoạch đảm bảo cho mọi HS đều có cơ hội trải nghiệm hình thức học tập qua truy vấn.

6.4. Tác động của việc đánh giá TVTH

Đánh giá là khía cạnh mang tính phê phán của chu trình đổi mới thường xuyên liên tục. Đánh giá giúp các chương trình và dịch vụ của thư viện phù hợp với các mục tiêu của nhà trường, cho phép HS và GV, đội ngũ CBTV, và cả cộng đồng giáo dục nhận thấy được lợi ích của các chương trình và dịch vụ TVTH. Đánh giá cung cấp những chứng cứ cần thiết để nâng cao hiệu quả các chương trình và dịch vụ này, đồng thời giúp đội ngũ nhân viên thư viện và người dùng thư viện thấu hiểu và đánh giá đúng về các chương trình và dịch vụ đó. Đánh giá thành công sẽ là tiền đề cho việc đổi mới chương trình và dịch vụ cũng như phát triển các chương trình và dịch vụ mới. Đánh giá cũng giữ vai trò thiết yếu trong việc định hướng các sáng kiến về quan hệ công chúng và vận động.

6.5. Quan hệ công chúng của TVTH

Khái niệm quan hệ công chúng đặt trọng tâm vào việc tương tác dài hạn và truyền thông chiến lược giúp xây dựng mối quan hệ cộng đồng lợi ích giữa một cơ

quan tổ chức và công chúng của cơ quan tổ chức đó - ở đây là TVTH và các bên liên quan (xem mục 3.5.4 Gắn kết cộng đồng).

Quảng bá và marketing là một phần công việc liên quan đến nhà trường của cán bộ TVTH; cán bộ TVTH cũng có vai trò trong hoạt động vận động nhưng thông thường vận động được lập kế hoạch và triển khai bởi một nhóm như hiệp hội TVTH. Người dùng thư viện là trọng tâm hàng đầu của quảng bá và marketing TVTH: Vấn đề cần quan tâm là việc sử dụng thư viện. Trọng tâm của vận động TVTH là những người ra quyết định và những người có ảnh hưởng đến người ra quyết định: Vấn đề cần quan tâm là ngân sách hoạt động của thư viện và các hỗ trợ khác cho công việc của CBTV.

6.5.1. Quảng bá và marketing

Quảng bá là hình thức truyền thông một chiều với người dùng về những gì thư viện cung cấp. Marketing là hình thức trao đổi hai chiều - tìm cách kết nối các dịch vụ thư viện với nhu cầu và sở thích của những người dùng tiềm năng. Dịch vụ và cơ sở vật chất được TVTH cung cấp phải được tích cực quảng bá và marketing nhằm giúp các nhóm đối tượng mục tiêu (cả trường học và cộng đồng bên ngoài) nhận thức được vai trò của thư viện với tư cách là một đối tác trong học tập và với tư cách là nhà cung cấp các dịch vụ và nguồn lực cần thiết.

6.5.2. Vận động

Vận động TVTH là nâng cao hiểu biết và hỗ trợ từ những người ra quyết định chủ chốt; nâng cao nhận thức, hiểu biết và đây là công việc cần nhiều thời gian và phải được lập kế hoạch. Các nỗ lực

vận động TVTH không hướng tới người dùng thư viện mà tập trung vào việc gắn kết những người ra quyết định với những người có ảnh hưởng đến người ra quyết định.

Vận động là hình thức CBTV và các đồng minh của mình có thể thực hiện khi họ liên kết với nhau và cùng triển theo cách thức đã định. *Nền tảng Học tập Trực tuyến IFLA (IFLA Online Learning Platform)* (www.ifla.org/bsla) cung cấp tài liệu dành cho những người muốn vận động thư viện và muốn hiểu sâu hơn về cách triển khai vận động. Trang web này có các tài liệu dành riêng cho vận động TVTH, bao gồm các nghiên cứu tình huống về việc hình thành mạng lưới TVTH, thay đổi luật pháp TVTH, phát triển TVTH với tư cách là một lực lượng tham gia cải cách giáo dục. Vận động là việc làm hết sức cần thiết nhằm tăng cường và duy trì sự phát triển TVTH. Vận động và đánh giá giúp xây dựng sự hiểu biết và hỗ trợ vì công cuộc cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập cho mỗi cá nhân trong nhà trường. ■

(Hết)

Các tài liệu tham khảo hữu ích

American Association of School Librarians (2014). *Advocacy*. Truy xuất từ www.ala.org/aasl/advocacy

Cialdini, R. B. (2006). *Influence: The psychology of persuasion* (Ấn bản có sửa đổi bổ sung). New York: Harper Business Books.

Department for Education and Office for Standards in Education, Children's Services and Skills [Vương quốc Anh]. (2006). *Improving performance through school self-evaluation and improvement planning*. Truy xuất từ http://dera.ioe.ac.uk/5986/1/Improving_performance_through_school_self-evaluation_and_improvement_planning.pdf

Department for Education and Skills and the School Libraries Working Group [Vương quốc

Anh]. (2004). *Self-evaluation model: School libraries resource materials*. Truy xuất từ www.informat.org/schoollibraries/index.html

FADBEN. (2012). *The FADBEN manifesto: Teaching information-documentation and information culture*. Truy xuất từ <http://fadben.asso.fr/2012-FADBEN-Manifesto.html>

Haycok, K. (1992). *What works: Research about teaching and learning through the school's library resource center*. Seattle, WA: Rockland Press.

Kachel, D. E., và những người khác (2013). *School library research summarized: A graduate class project*. Mansfield, PA: Mansfield University. Truy xuất từ <http://sl-it.mansfield.edu/upload/MU-LibAdvoBklt2013.pdf>

LRS (Library Research Service, Colorado State Library, Department of Education). (2015). *School libraries impact studies*. Truy xuất từ www.lrs.org/data-tools/school-libraries/impact-studies/

Mollard, M. (1996). *Les CDI à l'heure du management* [CID về quản lý thời gian]. Paris: École nationale supérieure des sciences de l'information et des bibliothèques.

Oberg, D. (2009). Libraries in schools: Essential contexts for studying organizational change and culture. *Library Trends*, 58(1), 9-25.

Todd, R. (2007). Evidence based practice and school libraries: From advocacy to action. Trong Hughes-Hassell & V. H. Harada (Bs.), *School reform and the school library media specialist* (tr. 57-78). Westport, CT: Libraries Unlimited.

Todd, R. J., & Kuhlthau, C. C. (2005a). Student learning through Ohio school libraries, Phần 1: How effective school libraries help students. *School Libraries Worldwide*, 11(1), 89-110.

Todd, R., Kuhlthau, C. & Heinstrom, J. (2005). *SLIM Toolkit*. New Brunswick, NJ: Center for International Scholarship in School Libraries, Rutgers University. Truy xuất từ <http://cissl.scils.rutgers.edu/index.html>

Todd, R. J., Kuhlthau, C. C., & OELMA. (2004). *Student learning through Ohio school libraries: The Ohio research study*. Columbus, OH: Ohio Educational Library Media Association. Truy xuất từ www.oela.org/studentlearning/default.asp

Williams, D., Wavell, C., & Morrison, K. (2013). *Impact of school libraries on learning: Critical review of published evidence to inform the Scottish education community*. Aberdeen, Scotland: Robert Gordon University, Institute for Management, Governance & Society (IMaGeS). Truy xuất từ www.scottishlibraries.org/storage/sectors/schools/SLIC_RGU_Impact_of_School_Libraries_2013.pdf